| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH CHÁNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 265/2023/DS –ST
Ngày: 06-6-2023
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-TP. HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Định**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Vũ Huy Hoàng**

2. Ông **Đặng Văn Ẩn**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Bà **Vũ Thị Thái -** Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 411/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2023/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Quỳnh H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: xã Tân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh – có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Phạm Thị Thanh H1**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt không lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được thì bà Phạm Thị Quỳnh H (nguyên đơn) trình bày như sau:**

Vào ngày 09/6/2019 (dương lịch), bà Phạm Thị Thanh H1 có hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng, nhưng ngày 09/6/2019 bà Phạm Thị Quỳnh H chỉ có số tiền 40.000.000 đồng, nên bà Phạm Thị Quỳnh H cho bà Phạm Thị Thanh H1 vay 40.000.000 đồng, hai bên không có lập giấy tờ biên nhận, do tin tưởng nên bà H giao tiền luôn cho bà Phạm Thị Thanh H1, lúc đó không có mặt ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị Thanh H1 nói vay về để trả nợ cho ông Nguyễn Văn S.

Ngày 14/6/2019 (dương lịch), bà Phạm Thị Quỳnh H có cho vợ chồng anh chị họ của bà Phạm Thị Quỳnh H là ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thanh H1 vay tiếp 60.000.000 đồng, giao tiền cho ông Nguyễn Văn S, lúc đó không có mặt bà Phạm Thị Thanh H1. Sau đó lập giấy biên nhận nợ tổng số tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) trong thời hạn 24 tháng tính từ ngày 14/6/2019 đến ngày 14/6/2021, lãi suất các bên thoả thuận là 3%/tháng/100.000.000 đồng. Tại thời điểm cho vay, bà Phạm Thị Quỳnh H và ông Nguyễn Văn S có lập giấy cho vay tiền đề ngày 14/06/2019 với nội dung bà H cho ông Nguyễn Văn S vay 100.000.000 đồng trong thời hạn 24 tháng, lãi suất 3%/ tháng, thanh toán lãi vào ngày 14 dương lịch hàng tháng. Bà Phạm Thị Thanh H1 không đi cùng nên không ký vào hợp đồng vay.

Đến sau ngày 17/7/2019, bà Phạm Thị Thanh H1 có thanh toán cho bà Phạm Thị Quỳnh H tiền lãi suất 01 tháng đầu tiên sau khi vay là 3.000.000 đồng, kể từ đó cho đến nay ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thanh H1 không thanh toán cho bà Phạm Thị Quỳnh H bất kỳ khoản tiền lãi suất nào theo thoả thuận. Đến ngày 14/6/2021 là hết thời hạn vay tiền mặc dù bản thân bà Phạm Thị Quỳnh H đã nhiều lần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nhưng ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thanh H1 lại cố tình trốn tránh, không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Cho đến nay bà Phạm Thị Thanh H1, ông Nguyễn Văn S không trả thêm số tiền lãi nào, không trả số tiền gốc cho bà Phạm Thị Quỳnh H.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu:

Yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thanh H1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Phạm Thị Quỳnh H với tổng số tiền gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thanh H1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng mà đến hạn chưa trả là: 38.180.000 đồng (100.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 23 tháng, tính ngày 14/8/2019-14/6/2021).

3. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thanh H1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả lãi chậm phát sinh trên nợ lãi trong hạn tạm tính đến hết ngày 14/01/2022 là 2.218.258 đồng (38.180.000 đồng x 0,83%/tháng x 7 tháng, tính từ ngày 14/6/2021 – 14/01/2022)

4. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thanh H1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tạm tính đến hết ngày 14/01/2022 là 17.430.000 đồng (100.000.000 đồng x 1,66% x 150% x 7 tháng, tính từ ngày 14/6/2021 – 14/01/2022).

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn mà bà Phạm Thị Quỳnh H yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thanh H1 có nghĩa vụ liên đới phải trả tạm tính đến ngày 14/01/2022 là 157.828.258 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng).

Tại phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh H yêu cầu ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thanh H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Quỳnh H số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 14/5/2023 là 174.999.999 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng). Bà H xin rút lại yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị Thanh H1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả lãi chậm phát sinh trên nợ lãi trong hạn.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh H1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông S, bà H1.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Quỳnh H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S, buộc ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Quỳnh H số tiền 174.999.999 đồng (Một trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng), đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc

rút yêu cầu tính lãi trên nợ lãi chưa trả; Về án phí: Ông Nguyễn Văn S chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", bị đơn là ông Nguyễn Văn S có nơi cư trú ở tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Văn S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Thanh H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H1 theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Đối với ông Nguyễn Tuấn T (chồng bà Phạm Thị Quỳnh H), có bản tự khai xác định số tiền bà H cho ông S vay là tài sản riêng của bà H, ông không liên quan gì và từ chối tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án xét thấy không cần thiết đưa ông T vào tham gia tố tụng là phù hợp pháp luật.

[5] Do giao dịch dân sự giữa các bên được xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[6] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Văn S đến Tòa án để giải quyết vụ kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa bà Phạm Thị Quỳnh H và ông Nguyễn Văn S nhưng ông Nguyễn Văn S không đến Tòa án để giải quyết vụ án trên. Vì vậy, ông Nguyễn Văn S tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông Nguyễn Văn S phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 và Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào quy định pháp luật để xem xét giải quyết vụ án.

[7] Căn cứ Giấy cho vay tiền lập ngày 14/6/2019 bên cho vay là bà Phạm Thị Quỳnh H và bên vay là ông Nguyễn Văn S với nội dung bà Phạm Thị

Quỳnh H có cho ông Nguyễn Văn S vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 24 tháng, trả lãi vào ngày 14 hàng tháng.

[8] Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".*

Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*" Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".*

Bà H đã giao cho ông S số tiền 100.000.000 đồng, đến hạn trả nợ nhưng ông S trốn tránh, đã nhiều lần bà H yêu cầu ông S trả tiền vay nhưng ông S không thực hiện trả tiền vay cho bà H đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ông S trả cho bà H số tiền 100.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy cho vay tiền lập ngày 14/6/2019 thì có thỏa thuận mức lãi suất 3%/tháng. Trong quá trình vay thì bị đơn có thanh toán số tiền lãi là 3.000.000 đồng, sau đó thì không thanh toán thêm số tiền lãi nào.

Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".

Giấy cho vay tiền ngày 14/6/2019, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng là vượt quá quy định pháp luật, do đó, cần điều chỉnh mức lãi suất phù hợp với pháp luật.

Tại phiên tòa: bà Phạm Thị Quỳnh H yêu cầu tính lãi như sau:

Lãi trong hạn tính từ ngày 14/8/2019 đến ngày 14/6/2021.

Lãi trên nợ lãi chưa trả thì bà H xin rút lại không yêu cầu.

Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 14/6/2021 đến ngày 14/5/2023 với lãi suất 20%/năm.

Việc nguyên đơn bà H rút yêu cầu tính lãi trên nợ lãi chưa trả là tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ việc bà H rút yêu cầu tính lãi trên nợ lãi chưa trả.

Căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì tiền lãi được tính như sau:

Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả tính từ ngày 14/8/2019 đến ngày 14/6/2021: 100.000.000 x (20%:12) x 22 tháng = 36.666.666 đồng

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính từ ngày 14/6/2021 đến ngày 14/5/2023: 100.000.000 x (20%:12) x 23 tháng = 38.333.333 đồng

Tổng cộng tiền lãi là: 74.999.999 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Phạm Thị Thanh H1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Giấy cho vay tiền ngày 14 tháng 6 năm 2019, bên vay là ông Nguyễn Văn S ký tên, bà H1 không có ký tên vào Giấy cho vay tiền. Tòa án yêu cầu bà H cung cấp tài liệu, chứng cứ theo Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 83/2023/QĐ-CCTLCC ngày 15/02/2023 chứng minh cho việc bà H có giao tiền cho bà H1. Tuy nhiên, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng minh việc bà H có giao tiền vay cho bà H1. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định bà Phạm Thị Thanh H1 có nghĩa vụ liên đới trong việc trả tiền cho bà Phạm Thị Quỳnh H.

[9] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Quỳnh H về việc buộc ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm trả bà Phạm Thị Quỳnh H số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 74.999.999 đồng. Tổng cộng là 174.999.999 (một trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Do yêu cầu của bà Phạm Thị Quỳnh H được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Cụ thể án phí dân sự sơ thẩm ông S phải chịu 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Quỳnh H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S trả số tiền 174.999.999 (một trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Quỳnh H số tiền là 174.999.999 (một trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng. Trong đó nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và nợ lãi là 74.999.999 (bảy mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Quỳnh H về việc rút yêu cầu tính lãi trên nợ lãi chưa trả.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Quỳnh H về việc yêu cầu bà Phạm Thị Thanh H1 có nghĩa vụ liên đới với ông Nguyễn Văn S trả số tiền vay cho bà Phạm Thị Quỳnh H.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà Phạm Thị Quỳnh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn S chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì ông S phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự:

2.1 Ông Nguyễn Văn S chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.750.000 (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Quỳnh H số tiền 3.945.706 đồng (Ba triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm lẻ sáu đồng) là số tiền tạm ứng án phí mà bà Phạm Thị Quỳnh H đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0034898 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Kim Định**